

Số: **02/2021/QĐST-KDTM**

Tuy Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Khoản 3 Điều 144, Khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2020/TLST- KDTM ngày 08/10/2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Địa chỉ: XY, Quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: DT, Phường X, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh P – Giám đốc Chi nhánh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền lại: bà Võ Nguyên Mỹ L - Phó trưởng phòng Khách hàng cá nhân và ông Ngô Minh T - Chuyên viên phòng Khách hàng cá nhân.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: đường X, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị M thống nhất trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP X tổng số nợ phát sinh đến ngày 21/01/2021 là 33.884.102.958 đồng (*Ba mươi ba tỷ tám trăm tám bốn triệu một trăm lẻ hai nghìn chín trăm năm tám đồng*), trong đó, tiền nợ gốc là 28.675.300.000

đồng; tiền nợ lãi 4.989.660.521 đồng; Phí trả chậm 219.142.437 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/6981118/HĐTD ngày 01/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này: Số tiền 8.278.902.495 đồng (*Tám tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*) bao gồm nợ gốc 6.605.000.000 đồng, nợ lãi 1.603.650.028 đồng, phí trả chậm 70.252.467 đồng phát sinh đến ngày 21/01/2021.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2015/6981118/HĐTD ngày 01/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này: Số tiền 8.688.516.305 đồng (*Tám tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm linh năm đồng*) bao gồm nợ gốc 6.929.000.000 đồng, nợ lãi 1.667.896.805 đồng, phí trả chậm 91.619.500 đồng phát sinh đến ngày 21/01/2021.

- Hợp đồng tín dụng số dài hạn số 01/2016/6981118/HĐTD ngày 16/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này: Số tiền 16.916.684.158 đồng (*Mười sáu tỷ chín trăm mười sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn một trăm năm tám đồng*) bao gồm nợ gốc 15.141.300.000 đồng, nợ lãi 1.718.113.688 đồng, phí trả chậm 57.270.470 đồng phát sinh đến ngày 21/01/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (Ngày 22/01/2021) cho đến khi trả hết nợ, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận giữa các bên tại các Hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo nêu trên tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.

Thời gian trả nợ đến hết ngày 21/02/2021. Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo thỏa thuận giữa các bên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa xử lý các tài sản thế chấp, gồm:

- + Tàu cá, vật liệu vỏ gỗ, số đăng ký PY-98789-TS và các tài sản thế chấp khác kèm theo, căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6981118/HĐBĐ lập ngày 02/12/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp có liên quan.

- + Tàu cá, vật liệu vỏ gỗ, số đăng ký PY-98976-TS và các tài sản thế chấp khác kèm theo, căn cứ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6981118/HĐBĐ lập ngày 02/12/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp có liên quan.

- + Tàu cá, vật liệu vỏ Composite, số đăng ký PY-99777-TS và các tài sản

thể chấp khác kèm theo, căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6981118/HĐBĐ lập ngày 18/5/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp có liên quan.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã tạm ứng đủ số tiền trên cho Tòa án nên bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị M chịu số tiền 70.942. 051 đồng (*Bảy mươi triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP X số tiền 70.474.663 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001737 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng điều 26 Luật Thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Uyên